

BỘ CÂU HỎI SÁT HẠCH HUẤN LUYỆN GIẢNG VIÊN ATVSLĐ

(200 Câu - *đáp án là phần chữ màu đỏ*)

I. NHỮNG KIẾN THỨC CHUNG VỀ ATVSLĐ

1. An toàn lao động là gì?
a. An toàn lao động là giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động.

- b. An toàn lao động là không xảy ra tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.
c. An toàn lao động là giải pháp phòng, chống tác động của yếu tố có hại gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe cho con người trong quá trình lao động.
d. Cả a,b,c đều sai.

2. Vệ sinh lao động là gì?

a. Vệ sinh lao động là giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động.

- b. Vệ sinh lao động là giải pháp an toàn nhất trong quá trình lao động.
c. Vệ sinh lao động là giải pháp phòng, chống tác động của yếu tố có hại gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe cho con người trong quá trình lao động.
d. Cả a,b,c đều sai.

3. Yếu tố nguy hiểm là gì?

a. Yếu tố nguy hiểm là yếu tố gây mất an toàn, làm tổn thương hoặc gây tử vong cho con người trong quá trình lao động.

- b. Yếu tố nguy hiểm là yếu tố có thể gây ra tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp
c. Yếu tố nguy hiểm là yếu tố gây ra cháy, nổ, mất an toàn lao động
d. Yếu tố nguy hiểm là yếu tố có hại.

4. Yếu tố có hại là gì?

a. Yếu tố có hại là yếu tố gây mất an toàn, làm tổn thương hoặc gây tử vong cho con người trong quá trình lao động

b. Yếu tố có hại là yếu tố gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe con người trong quá trình lao động.

c. Yếu tố có hại là yếu tố tác động làm người lao động bị bệnh nghề nghiệp sau quá trình lao động.

d. Cả a, b, c đều đúng

5. Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động là gì?

a. Là việc gây ra cháy, nổ, tai nạn lao động.

b. Là hư hỏng của máy, thiết bị, vật tư, chất vượt quá giới hạn an toàn kỹ thuật cho phép, xảy ra trong quá trình lao động và gây thiệt hại hoặc có nguy cơ gây thiệt hại cho con người, tài sản và môi trường.

c. Là thiết bị lạc hậu trong quá trình sản xuất gây ra tai nạn lao động.

d. Cả a,b,c đều sai.

6. Thế nào là tai nạn lao động?

a. Tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể hoặc gây tử vong cho người lao động, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động.

b. Tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương cho người lao động có tỷ lệ thương tật từ 5 đến 10%.

c. Tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương cho người lao động trong quá trình lao động sản xuất.

d. Cả a,b,c đều sai.

7. ATVSLĐ mang tính khoa học công nghệ bao gồm:

a. Quy phạm, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn.

b. Tiêu chuẩn vệ sinh lao động trong quá trình lao động sản xuất.

c. Khoa học kỹ thuật về ATVSLĐ gắn liền với khoa học công nghệ sản xuất.

d. Cả 3 câu a,b,c đều đúng.

8. Công tác ATVSLĐ mang tính khoa học công nghệ phụ thuộc vào:

a. Trình độ công nghệ sản xuất của xã hội.

b. Các quy định về tổ chức lao động.

c. Quy phạm, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn.

d. Tiêu chuẩn vệ sinh lao động trong quá trình lao động sản xuất.

9. Tính quần chúng của công tác ATVSLĐ thể hiện ở các khía cạnh sau:

a. Quần chúng lao động là những người trực tiếp thực hiện quy phạm, quy trình.

b. Biện pháp kỹ thuật an toàn, cải thiện điều kiện làm việc.

c. Cả a và b đều đúng.

d. Cả a và b đều sai.

10. Công tác ATVSLĐ bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a. Tiêu chuẩn vệ sinh lao động trong quá trình lao động sản xuất.

b. Kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động, các chính sách, chế độ bảo hộ lao động.

b. Các quy định về tổ chức lao động.

c. Cả 3 câu a,b,c đều đúng.

11. Nội dung chủ yếu của kỹ thuật an toàn là:

a. Xác định vùng nguy hiểm.

b. Xác định các biện pháp về quản lý, tổ chức và thao tác làm việc đảm bảo an toàn.

c. Sử dụng các thiết bị an toàn thích ứng: thiết bị che chắn, thiết bị phòng ngừa, thiết bị bảo hiểm, tín hiệu, báo hiệu, trang bị bảo vệ cá nhân...

d. Tất cả đều đúng.

12. Nội dung chủ yếu của vệ sinh lao động là:

a. Xác định khoảng cách an toàn về vệ sinh.

b. Xác định các yếu tố có hại về sức khỏe.

c. Biện pháp về sinh học, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường.

d. Tất cả đều đúng.

13. Các biện pháp về kỹ thuật vệ sinh là:

a. Kỹ thuật thông gió, điều hòa nhiệt độ, chống bụi, khí độc, kỹ thuật chống tiếng ồn và rung sóc, kỹ thuật chiếu sáng, kỹ thuật chống bức xạ, phóng xạ, điện từ trường.

b. Xác định vùng nguy hiểm.

c. Xác định các biện pháp về quản lý, tổ chức và thao tác làm việc đảm bảo an toàn.

d. Cả a và b, c đều đúng.

14. Các biện pháp kỹ thuật vệ sinh phải được quán triệt ngay từ khâu:

a. Thiết kế, xây dựng các công trình nhà xưởng.

b. Tổ chức nơi sản xuất.

c. Thiết kế, chế tạo các máy móc, thiết bị, quá trình công nghệ.

d. Tất cả đều đúng.

15. Các chính sách, chế độ ATVSLĐ chủ yếu bao gồm:

- a. Các biện pháp kinh tế xã hội, tổ chức quản lý, cơ chế quản lý công tác lao động.
- b. Chế độ nhằm đảm bảo sử dụng sức lao động hợp lý, khoa học.
- c. Bồi dưỡng phục hồi sức lao động, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.
- d. Tất cả đều đúng*

16. Trong quá trình sản xuất phải thường xuyên quan tâm theo dõi các vấn đề nào sau đây:

- a. Sự phát sinh các yếu tố có hại. Thực hiện các biện pháp bổ sung làm giảm các yếu tố có hại. Đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.*
- b. Xác định vùng nguy hiểm.
- c. Xác định khoảng cách an toàn về vệ sinh.
- d. Cả a và b, c đều đúng.

17. Công tác ATVSLĐ có những tính chất nào:

- a. Tính quần chúng.
- b. Tính khoa học công nghệ.
- c. Tính pháp luật.
- d. Tất cả đều đúng.*

18. Muốn thực hiện tốt công tác ATVSLĐ chúng ta phải:

- a. Tổ chức nghiên cứu khoa học kỹ thuật ATVSLĐ gắn liền với việc nghiên cứu cải tiến trang bị, cải tiến kỹ thuật công nghệ sản xuất.
- b. Nghiên cứu những vấn đề về kỹ thuật an toàn, cải thiện điều kiện làm việc.
- c. Nghiên cứu đưa vào chương trình tiến bộ kỹ thuật, công nghệ để huy động đông đảo cán bộ và người lao động tham gia.
- d. Tất cả đều đúng.*

19. Hãy nêu các yếu tố nguy hiểm có nguy cơ gây tai nạn lao động trong sản xuất:

- a. Những hóa chất độc; nguồn nhiệt; nguồn điện; nổ vật lý; nổ hoá học; những yếu tố vi khí hậu xấu; vi sinh vật có hại; bức xạ và phóng xạ.
- b. Vật văng bắn; vật rơi, đổ, sập; các bộ phận truyền động và chuyển động; nguồn nhiệt; nguồn điện; nổ.*
- c. Những vật văng bắn; vật rơi, đổ, sập; tiếng ồn và rung động; bức xạ và phóng xạ; những yếu tố vi khí hậu xấu.

d. Vật văng bắn; bức xạ và phóng xạ; vật rơi, đổ, sập; bụi, ồn, hóa chất, những yếu tố vi khí hậu xấu; vi sinh vật có hại.

20. Hãy nêu các biện pháp cơ bản về kỹ thuật an toàn nhằm đảm bảo an toàn và phòng ngừa tai nạn lao động:

a. Thiết bị che chắn; thiết bị bảo hiểm phòng ngừa.; Khoảng cách an toàn; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân.

b. Cơ cấu điều khiển, phanh hãm, điều khiển từ xa; Tín hiệu, báo hiệu.

c. Thiết bị an toàn riêng biệt; Phòng cháy, chữa cháy.

d. Tất cả đều đúng.

II. LUẬT PHÁP, CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

21. Đối tượng áp dụng thực hiện Luật an toàn, vệ sinh lao động là?

a. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; người thử việc; người học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động; Cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

b. Người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động; Người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng; người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

c. Người sử dụng lao động; Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến công tác an toàn, vệ sinh lao động.

d. Tất cả đều đúng.

22. Theo quy định của Luật An toàn vệ sinh lao động, người lao động làm việc theo Hợp đồng lao động có những nghĩa vụ gì sau đây?

a. Chấp hành nội quy, quy trình và biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; tuân thủ các giao kết về an toàn, vệ sinh lao động trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể;

b. Sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp; các thiết bị bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc;

c. Báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động, tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp; chủ động tham gia cấp cứu, khắc phục sự cố, tai nạn lao động

theo phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp hoặc khi có lệnh của người sử dụng lao động hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d. Tất cả đều đúng.

22. Theo quy định của Luật An toàn vệ sinh lao động, người sử dụng lao động có quyền như thế nào đối với công tác ATVSLĐ ?

a. Yêu cầu người lao động phải chấp hành các nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; Khen thưởng người lao động chấp hành tốt và kỷ luật người lao động vi phạm trong việc thực hiện an toàn, vệ sinh lao động;

b. Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật;

c. Huy động người lao động tham gia ứng cứu khẩn cấp, khắc phục sự cố, tai nạn lao động.

d. Tất cả đều đúng

23. Ai có nghĩa vụ chính trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, quy trình bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động?

a. Ban Chấp hành công đoàn cơ sở doanh nghiệp.

b. Cán bộ phụ trách an toàn, vệ sinh lao động.

c. Người sử dụng lao động tại doanh nghiệp

d. cả a,b,c đều đúng

24. Nghĩa vụ của người sử dụng lao động :

a. Hằng năm khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải lập kế hoạch, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động.

b. Chấp hành các quy định, nội quy về an toàn – vệ sinh lao động có liên quan đến công việc, nhiệm vụ được giao.

c. Cả a và b đều sai.

d. Cả a và b đều đúng.

25. Người sử dụng lao động có trách nhiệm:

a. Thực hiện huấn luyện, hướng dẫn các tiêu chuẩn quy định, biện pháp an toàn vệ sinh lao động đối với người lao động.

b. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo tiêu chuẩn chế độ quy định.

c. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định khai báo, điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo kết quả tình hình thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện lao động...

d. Tất cả đều đúng.

26. Người sử dụng lao động có trách nhiệm:

a. Phân công trách nhiệm và cử người giám sát việc thực hiện các quy định, nội quy, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động trong doanh nghiệp.

b. Phối hợp với Công đoàn cơ sở xây dựng và duy trì sự hoạt động của mạng lưới an toàn viên và vệ sinh viên.

c. Cả a và b đều đúng.

d. Cả a và b đều sai.

27. Quyền của người sử dụng lao động:

a. Buộc người lao động phải tuân thủ các quy định, nội quy, biện pháp ATVSLĐ

b. Khen thưởng người chấp hành tốt và kỷ luật người vi phạm trong việc thực hiện ATVSLĐ.

c. Khiếu nại với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quyết định của Thanh tra về ATVSLĐ, nhưng vẫn phải chấp hành các quyết định đó khi chưa có quyết định mới.

d. Cả a và b, c đều đúng.

28. Người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động bao nhiêu lần trong 01 năm?

a. Ít nhất một lần

b. Tất cả người lao động đều được khám sức khỏe một lần.

c. Người lao động tự lo cho sức khỏe của mình.

d. Cả a, b, c đều sai.

29. Quyền của người lao động được yêu cầu của người sử dụng lao động:

a. Bảo đảm điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh cải thiện điều kiện lao động

b. Trang bị, cung cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân

c. Huấn luyện, thực hiện biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động

d. Tất cả đều đúng

30. Người sử dụng lao động có trách nhiệm nào sau đây đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

a. Thanh toán phần chi phí đồng chi trả và những chi phí không nằm trong danh mục do bảo hiểm y tế chi trả đối với người lao động tham gia bảo hiểm y tế và thanh toán toàn bộ chi phí y tế từ khi sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị ổn định đối với người lao động không tham gia bảo hiểm y tế.

b. Trả đủ tiền lương theo hợp đồng lao động cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phải nghỉ việc trong thời gian điều trị.

c. Bồi thường cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Điều 145 của Bộ luật lao động.

d. Tất cả đều đúng

31. Người sử dụng lao động có trách nhiệm bồi thường cho người lao động bị tai nạn lao động mà không hoàn toàn do lỗi của chính người lao động gây ra và cho người lao động bị bệnh nghề nghiệp như thế nào?

a. Ít nhất bằng 1,5 tháng tiền lương nếu bị suy giảm từ 5% đến 10% khả năng lao động; sau đó cứ tăng 1% được cộng thêm 0,4 tháng tiền lương nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 11% đến 80%;

b. Ít nhất 30 tháng tiền lương cho người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc cho thân nhân người lao động bị chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

c. Tất cả đều đúng

32. Người sử dụng lao động có trách nhiệm trả tiền lương cho người lao động bị

tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phải nghỉ việc trong thời gian điều trị, phục hồi chức năng lao động như thế nào?

a. Trả 75% tiền lương cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phải nghỉ việc trong thời gian điều trị, phục hồi chức năng lao động;

b. Trả 85% tiền lương cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phải nghỉ việc trong thời gian điều trị, phục hồi chức năng lao động;

c. Trả đủ tiền lương cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phải nghỉ việc trong thời gian điều trị, phục hồi chức năng lao động.

33. Người sử dụng lao động có trách nhiệm bồi thường cho người lao động bị tai

nạn lao động mà không hoàn toàn do lỗi của chính người lao động gây ra và cho người lao động bị bệnh nghề nghiệp như thế nào?

a. Ít nhất bằng 1,5 tháng tiền lương nếu bị suy giảm từ 5% đến 10% khả năng lao động; sau đó cứ tăng 1% được cộng thêm 0,4 tháng tiền lương nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 11% đến 80%;

b. Ít nhất 30 tháng tiền lương cho người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc cho thân nhân người lao động bị chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

c. Tất cả đều đúng.

34. Mức hưởng trợ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của BHXH được tính như thế nào?

a. Từ 5% đến 30% được hưởng trợ cấp một lần với mức: Suy giảm 5% khả năng lao động thì được hưởng 5 lần mức lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 0,5 lần mức lương cơ sở cộng với mức số năm đã đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, từ một năm trở xuống thì được tính bằng 0,5 tháng tiền lương đóng BHXH, sau đó cứ thêm mỗi năm được tính thêm 0,3 tháng tiền lương đóng BHXH của tháng liền kề trước tháng bị TNLĐ, BNN. Công thức tính: {5 lần lương cơ sở + (tỷ lệ % suy giảm khả năng lao động - 5) x 0,5 x lương cơ sở} + {0,5 x lương đóng BHXH + (số năm đóng BHXH - 1) x 0,3 x lương đóng BHXH }

b. Từ 31% trở lên được hưởng trợ cấp hàng tháng với mức: Suy giảm 31% khả năng lao động thì được hưởng bằng 30% mức lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 2% mức lương cơ sở cộng với trợ cấp tính theo số năm đã đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, từ một năm trở xuống được tính bằng 0,5% tháng tiền lương đóng BHXH, sau đó cứ thêm mỗi năm được tính thêm 0,3% mức tiền lương đóng BHXH của tháng liền kề trước tháng bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. công thức tính {0,3 lần lương cơ sở + (tỷ lệ % suy giảm khả năng lao động - 31) x 0,02 x lương cơ sở} + {0,005 x lương đóng BHXH + (số năm đóng BHXH - 1) x 0,003 x lương đóng BHXH }

c. Tất cả đều đúng.

35. Công đoàn là tổ chức đại diện cho:

a. *Người lao động.*

b. Người sử dụng lao động.

c. Đại diện cho pháp luật.

d. Tất cả đều đúng.

36. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức Công đoàn là:

a. Công đoàn cơ sở thay mặt cho người lao động ký thỏa ước lao động tập thể với người sử dụng lao động.

- b. Tiến hành kiểm tra việc hấp hành pháp luật, chế độ chính sách về bảo hộ lao động.
- c. Cử đại diện tham gia vào các đoàn điều tra tai nạn lao động.
- d. Tất cả đều đúng.*

37. Nếu vi phạm các quy định về an toàn lao động có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Bộ luật hình sự khi:

- a. Vệ sinh lao động gây thiệt hại cho tính mạng.
- b. Gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe người khác.
- c. Gây tổn thất lớn về tài sản, của cải vật chất.
- d. Tất cả đều đúng.*

38. Khen thưởng, xử phạt về ATVSLĐ là một yêu cầu không thể thiếu được nhằm làm cho:

- a. Luật pháp, chế độ, chính sách về ATVSLĐ được chấp hành thực hiện nghiêm chỉnh.
- b. Động viên kịp thời những điển hình tốt.
- c. Xử lý nghiêm và đúng những tập thể, cá nhân vi phạm các quy định về ATVSLĐ
- d. Tất cả đều đúng.*

39. Khi thấy nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, đe dọa nghiêm trọng tính mạng, sức khỏe của mình người lao động phải làm gì?

- a. Từ chối làm công việc hoặc rời bỏ nơi làm việc.
- b. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định khai báo, điều tra tai nạn lao động.
- c. Từ chối trở lại nơi làm việc nói trên nếu những nguy cơ đó chưa được khắc phục.
- d. Phải báo cáo ngay với người phụ trách trực tiếp.
- e. Tất cả đều đúng.*

III.VỆ SINH LAO ĐỘNG

40. Vệ sinh lao động là môn khoa học nghiên cứu ảnh hưởng của những yếu tố nào sau đây:

- a. Các yếu tố có hại trong sản xuất đối với sức khỏe người lao động tìm các biện pháp cải thiện điều kiện lao động.
- b. Phòng ngừa các bệnh nghề nghiệp.
- c. Nâng cao khả năng lao động cho người lao động.
- d. Tất cả đều đúng.*

41. Nội dung của môn vệ sinh lao động bao gồm:

- a. Nghiên cứu đặc điểm vệ sinh của các quá trình sản xuất.
- b. Nghiên cứu việc chữa trị các loại bệnh nghề nghiệp.
- c. Nghiên cứu việc tổ chức lao động và nghỉ ngơi hợp lý.
- d. Nghiên cứu các biến đổi sinh lý, sinh hóa của cơ thể.

e. Ý a, c, d đúng

42. Nghiên cứu các biện pháp để phòng tình trạng mệt mỏi trong lao động, hạn

chế ảnh hưởng của các yếu tố tác hại nghề nghiệp trong sản xuất là các mục nào sau đây:

- a. Quy định các tiêu chuẩn vệ sinh, chế độ vệ sinh xí nghiệp và cá nhân, chế độ bảo hộ lao động.
- b. Tổ chức khám tuyển và sắp xếp hợp lý công nhân vào làm ở các bộ phận sản xuất khác nhau trong xí nghiệp.
- c. Quản lý, theo dõi tình hình sức khỏe công nhân, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp.

d. Tất cả đều đúng.

43. Tác hại liên quan đến quá trình sản xuất là:

- a. Tiếng ồn và rung động.
- b. Bụi và các chất độc hại trong sản xuất.
- c. Thời gian làm việc liên tục và quá lâu, làm việc liên tục không nghỉ.
- d. Điều kiện vi khí hậu trong sản xuất không phù hợp: nhiệt độ, độ ẩm cao hoặc thấp, thoáng khí kém...

e. Ý a, b và d đúng

44. Tác hại liên quan đến tổ chức lao động là:

- a. Thời gian làm việc liên tục và quá lâu, làm việc liên tục không nghỉ.
- b. Cường độ lao động quá cao không phù hợp với tình trạng sức khỏe công nhân.
- c. Sự hoạt động khẩn trương, căng thẳng quá độ của các hệ thống và giác quan như hệ thần kinh, thính giác, thị giác v.v...

d. Cả a,b,c đều đúng.

45. Những yếu tố có hại nào dưới đây có nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp trong lao động, sản xuất?

- a. Các yếu tố vi khí hậu xấu; chiếu sáng không hợp lý; tiếng ồn và rung động; các loại bụi.

b. Bức xạ và phóng xạ; các hóa chất độc; vi sinh vật có hại; các yếu tố về cường độ lao động, tư thế lao động không hợp lý.

c. Những hóa chất độc; nổ vật lý; nổ hoá học; vật rơi, đổ, sập; những yếu tố vi khí hậu xấu; vi sinh vật có hại; chiếu sáng không hợp lý; tiếng ồn và rung động.

d. Ý a và b đúng.

46. Các yếu tố vật lý và hóa học liên quan đến quá trình sản xuất là:

a. Tiếng ồn và độ rung.

b. Điều kiện vi khí hậu trong sản xuất không phù hợp như: nhiệt độ, độ ẩm cao v.v...

c. Bụi và các chất độc hại trong sản xuất.

d. Tất cả đều đúng.

47. Thiếu hoặc thừa ánh sáng hoặc sắp xếp bố trí hệ thống chiếu sáng không hợp lý là các tác hại liên quan đến:

a. Công nghệ sản xuất.

b. Điều kiện vệ sinh và an toàn lao động.

b. Tổ chức lao động.

c. Cả a, b đều đúng.

48. Phân xưởng chật chội và việc sắp xếp nơi làm việc lộn xộn, mất trật tự ngăn nắp là các tác hại liên quan đến: .

a. Công nghệ sản xuất.

b. Điều kiện vệ sinh và an toàn lao động.

c. Tổ chức lao động.

d. Cả a,b đều sai.

49. Thiếu thiết bị thông gió, chống bụi, chống nóng, chống tiếng ồn, chống hơi khí độc là các tác hại liên quan đến:

a. Công nghệ sản xuất.

b. Điều kiện vệ sinh và an toàn lao động.

c. Chất lượng sản phẩm

d. Tổ chức lao động.

50. Có bao nhiêu bệnh nghề nghiệp đã được nhà nước công nhận bảo hiểm:

a. 21 bệnh

b. 28 bệnh

c. 32 bệnh

d. 34 bệnh

51. Hãy nêu các biện pháp cơ bản nhằm khắc phục điều kiện vi khí hậu xấu trong lao động sản xuất:

a. Cơ giới hóa, tự động hóa; bố trí mặt bằng nhà xưởng, đường đi lại và vận chuyển...; sắp xếp nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm... hợp lý đảm bảo sự di chuyển dễ dàng của các loại máy móc, phương tiện.

b. Biện pháp giảm bức xạ, áp dụng thông gió và điều hòa không khí; làm lán để chống gió lạnh, che nắng, che mưa khi làm việc ngoài trời.

c. Áp dụng thông gió và điều hòa không khí; vệ sinh nơi làm việc, bảo đảm diện tích nơi làm việc, khoảng cách không gian cần thiết cho mỗi người lao động.

d. Áp dụng thông gió và điều hòa không khí; trang bị đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân; làm lán để chống lạnh, che nắng, che mưa khi làm việc ngoài trời.

52. Hãy nêu các biện pháp cơ bản để chống bụi trong lao động sản xuất:

a. Áp dụng các biện pháp cách ly, giảm thiểu tiếng ồn, rung động hoặc các biện pháp giảm tiếng ồn lan truyền, trồng cây xanh. Sử dụng đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân.

b. Áp dụng các biện pháp làm giảm phát sinh bụi từ nguồn gây bụi; phun nước (dạng sương) làm giảm lượng bụi trong không khí; dùng các thiết bị hút bụi; tăng cường vệ sinh công nghiệp. Sử dụng đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân.

c. Áp dụng các biện pháp làm giảm nguồn gây bụi; phun nước làm giảm lượng bụi trong không khí; dùng các thiết bị hút bụi; tăng cường vệ sinh công nghiệp.

d. Phun nước làm giảm lượng bụi trong không khí; dùng các thiết bị hút bụi; tăng cường vệ sinh công nghiệp, đặc biệt là quan tâm đến các bụi dễ gây ra cháy nổ

53. Hãy nêu các biện pháp cơ bản để chống ồn và rung trong lao động sản xuất:

a. Cơ giới hóa, tự động hóa; áp dụng thông gió và điều hòa không khí; trang bị đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân;

b. Đảm bảo khoảng cách quy định từ nguồn ồn đến nơi người lao động làm việc, giảm ngay tiếng ồn từ nguồn gây ồn và sử dụng đầy đủ các phương tiện, bảo vệ cá nhân.

c. Xử lý chất thải và nước thải; tổ chức thời giờ làm việc và nghỉ ngơi; áp dụng các biện pháp chăm sóc sức khỏe người lao động, bồi dưỡng, điều dưỡng...phục hồi

sức khỏe.

d. Đảm bảo khoảng cách quy định từ nguồn ồn đến nơi người lao động làm việc, giảm ngay tiếng ồn từ nguồn gây ồn, áp dụng các biện pháp cách ly, triệt tiêu tiếng ồn, rung hoặc các biện pháp giảm tiếng ồn lan truyền, trồng cây xanh.....

54. Hãy nêu một số biện pháp tổ chức sản xuất, tổ chức lao động đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp:

a. Bố trí mặt bằng nhà xưởng, đường đi lại và vận chuyển...; sắp xếp nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm hợp lý.

b. Vệ sinh nơi làm việc, cần bảo đảm diện tích nơi làm việc, khoảng cách không gian cần thiết cho mỗi người lao động.

c. Xử lý chất thải và nước thải; tổ chức thời giờ làm việc và nghỉ ngơi; chăm sóc sức khỏe người lao động, thực hiện chế độ bồi dưỡng, điều dưỡng.

d. Tất cả đều đúng.

55. Hãy nêu các yếu tố liên quan, chi phối nhiều đến tâm lý, sinh lý người lao động trong lao động sản xuất:

a. Tổ chức thời giờ làm việc và nghỉ ngơi; chăm sóc sức khỏe người lao động, thực hiện chế độ bồi dưỡng, điều dưỡng Sử dụng đúng và đầy đủ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân.

b. Máy móc thiết bị phải phù hợp với cơ thể của người lao động, không đòi hỏi người lao động làm việc quá căng thẳng, nhịp độ quá khẩn trương và thực hiện những thao tác gò bó kéo dài.

c. Máy móc thiết bị phải phù hợp với nhân trắc của người lao động, tạo điều kiện để người lao động yên tâm công tác, gắn bó với công việc, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

d. Ý a và c đúng.

56. Các biện pháp để phòng tác hại nghề nghiệp:

a. Biện pháp kỹ thuật công nghệ, biện pháp kỹ thuật vệ sinh.

b. Biện pháp phòng hộ cá nhân, biện pháp tổ chức lao động khoa học.

c. Biện pháp y tế dự phòng.

d. Tất cả đều đúng.

57. Vấn đề tăng năng suất lao động và chống mệt mỏi theo nguyên tắc 5S là:

a. Dọn dẹp, sắp xếp, lau dọn, vệ sinh, kỷ luật.

b. Tổ chức, sắp xếp, lau dọn, vệ sinh, kỷ luật.

c. Dọn dẹp, sắp xếp, tổ chức, vệ sinh, kỷ luật.

d. Cả a,b,c đều đúng.

58. Vi khí hậu là trạng thái lý học của không khí trong khoảng không gian thu hẹp. Bao gồm các yếu tố nào sau đây:

a. Nhiệt độ, độ ẩm, bức xạ nhiệt.

b. Nhiệt độ, độ ẩm, bức xạ nhiệt và vận tốc chuyển động không khí.

c. Nhiệt độ, độ ẩm, vi khuẩn.

d. Nhiệt độ, độ ẩm, bức xạ nhiệt, tiếng ồn, rung động.

59. Các biện pháp phòng chống vi khí hậu xấu là:

a. Tổ chức sản xuất lao động hợp lý, phòng hộ cá nhân.

b. Quy hoạch nhà xưởng và các thiết bị, thông gió, làm nguội vật liệu.

c. Thiết bị và quá trình công nghệ.

d. Tất cả đều đúng

60. Tiếng ồn cơ khí phát sinh trong môi trường lao động là:

a. Trục động cơ bị rơi mòn, độ cứng vững của hệ thống công nghệ kém.

b. Quá trình gia công rèn, dập.

c. Khí không khí chuyển động với tốc độ cao (động cơ phản lực).

d. Tiếng nổ hoặc xung động do nhiên liệu cháy gây ra.

61. Tiếng ồn cơ khí phát sinh tại các xưởng:

a. Xưởng dệt, may

b. Xưởng lắp ráp điện tử

c. Xưởng khoan, tiện, phay...

d. Tất cả đều đúng.

62. Các biện pháp chung phòng chống tiếng ồn và rung động là:

a. Các biện pháp quy hoạch xây dựng, kết cấu bao che chống tiếng ồn và rung động.

b. Hạn chế sự lan truyền tiếng ồn ngay trong phạm vi nhà xưởng.

c. Trồng các dải cây xanh bảo vệ để chống ồn và làm sạch môi trường.

d. Tất cả đều đúng.

63. Các phương án giảm ảnh hưởng của tiếng ồn tới người lao động là:

a. Hiện đại hóa thiết bị, hoàn thiện quá trình công nghệ.

b. Cách ly khu vực có nguồn ồn

c. Sử dụng bịt tai và nút tai chống ồn

d. Tất cả đều đúng.

64. Các nguyên tắc giảm tiếng ồn trên đường lan truyền là:

a. Nguyên tắc hút âm.

b. Nguyên tắc cách âm.

c. Cả a và b đều đúng. d. Cả a và b đều sai.

65. Biện pháp giảm rung cho thiết bị máy móc là:

- a. Gia cố móng thiết bị b. Cân bằng cho thiết bị
c. Lắp lò xo giảm chấn d. Tất cả đều đúng đều đúng.

66. Người ta phân loại bụi theo cách nào sau đây:

- a. Theo nguồn gốc. b. Theo kích thước hạt bụi.
c. Theo tác hại. d. Tất cả đều đúng.

67. Những hạt bụi nào vào phổi nhiều nhất và gây hại nhiều hơn:

- a. Bụi dưới 5 μm b. Hạt bụi thô
c. Bụi trên 10 μm d. Cả a và b đều đúng.

68. Bụi gây nhiều tác hại cho con người thường là các bệnh nào sau đây:

- a. Bệnh về đường hô hấp. b. Bệnh ngoài da.
c. Bệnh trên đường tiêu hóa v.v... d. Tất cả đều đúng.

69. Các biện pháp phòng chống bụi hiệu quả là:

- a. Thay đổi công nghệ sản xuất b. Thay đổi nguyên vật liệu
c. Tổ chức hút và xử lý bụi d. Tất cả đều đúng.

70. Thiết bị lọc bụi nào dưới đây sử dụng nguyên lý trọng lực để lắng bụi:

- a. Thiết bị lọc bụi quán tính b. Lọc bụi tĩnh điện
c. Lọc bụi tay áo d. Lọc bụi bằng lưới lọc

71. Thiết bị lọc bụi làm cho hạt bụi bị mất động năng và rơi xuống dưới đáy là:

- a. Thiết bị lọc bụi kiểu quán tính. b. Thiết bị lọc bụi tĩnh điện.
c. Thiết bị lọc bụi kiểu ly tâm. d. Buồng lắng bụi.

72. Mục đích của thông gió là:

- a. Thông gió chống nóng. b. Thông gió chống bụi và hơi khí độc.
c. Thông gió chống nóng và khử độc. d. Cả a,b đều đúng.

73. Mục đích của việc đảm bảo ánh sáng trong lao động là:

- a. Phân biệt được các chi tiết cần thao tác.
b. Giữ được khả năng làm việc lâu hơn và không bị mệt mỏi.
c. Cả a,b đều đúng.
d. Cả a,b đều sai.

74. Chiếu sáng nhân tạo bằng đèn nung sáng thường có ưu điểm gì:

- a. Đèn nung sáng rẻ tiền, dễ chế tạo, dễ bảo quản và sử dụng.
- b. Phát sáng ổn định, không phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường.
- c. Đèn nung sáng có khả năng phát sáng tập trung và cường độ lớn thích hợp cho chiếu sáng cục bộ.

d. Tất cả đều đúng.

75. Đèn huỳnh quang có ưu điểm gì sau đây:

- a. Giá thành cao, sử dụng phức tạp hơn.
- b. **Hiệu suất phát sáng cao, thời gian sử dụng dài vì thế hiệu quả kinh tế cao.**
- c. Chỉ phát quang ổn định khi nhiệt độ trong không khí dao động trong khoảng $15\div 35^{\circ}\text{C}$ điện áp thay đổi khoảng 10% đã làm đèn không làm việc được.
- d. Tất cả đều đúng.

76. Thiết bị chiếu sáng có những nhiệm vụ nào sau đây:

- a. Phân bố ánh sáng phù hợp với mục đích chiếu sáng.
- b. Bảo vệ cho mắt trong khi làm việc không bị quá chói do độ chói quá cao của nguồn sáng.
- c. Bảo vệ nguồn sáng tránh va chạm, bị gió, mưa, nắng, bụi...

d. Tất cả đều đúng.

77. Khi nhiễm xạ cấp tính thường có các triệu chứng nào sau đây:

- a. Chức phận thần kinh trung ương bị rối loạn.
- b. Da bị bỏng, tấy đỏ ở chỗ tia phóng xạ chiếu vào.
- c. Cơ quan tạo máu bị tổn thương nặng. Gãy, sút cân.

d. Tất cả đều đúng.

78. Nhiễm xạ trong một thời gian dài và thường có các triệu chứng nào sau đây:

- a. Thần kinh bị suy nhược.
- b. Rối loạn các chức năng tạo máu.
- c. Có hiện tượng đục nhân mắt, ung thư da, ung thư xương.

d. Tất cả đều đúng.

79. Để hạn chế tác động của điện từ trường, người ta thường dùng các biện pháp nào sau đây:

- a. Dùng các màn chắn bằng những kim loại có độ dẫn điện cao.
- b. Nối đất vỏ máy .

c. Cả a và b đều đúng.

d. Cả a và b đều sai.

80. Trong khi sử dụng các thiết bị cao tần cần chú ý các vấn đề nào sau đây:

- a. Đề phòng điện giật, cần tuân thủ các quy tắc an toàn.
- b. Phần kim loại của thiết bị phải được nối đất.
- c. Các dây nối đất nên ngắn và không cuộn tròn thành nguồn cảm ứng.
- d. Tất cả đều đúng.**

81. Khu dân cư, khu vực có người làm việc thường xuyên cường độ điện trường phải có giới hạn an toàn là:

- a. Dưới 5 (kV/m).**
- b. Từ 5÷10 (kV/m).
- c. Trên 10 (kV/m).
- d. Tất cả đều sai.

82. Các yếu tố nào sau đây có thể gây bệnh nghề nghiệp cho người lao động trong quá trình sản xuất?

- a. Bức xạ và phóng xạ.
- b. Tiếng ồn và rung động.
- c. Nguồn nhiệt.
- d. Ý a và b đúng.**

IV. KỸ THUẬT AN TOÀN

83. Hãy nêu các hình thức phân loại các thiết bị tín hiệu, báo hiệu được áp dụng để phòng ngừa tai nạn lao động:

- a. Tín hiệu ánh sáng; tín hiệu màu sắc; tín hiệu âm thanh và dấu hiệu an toàn.
- b. Dấu hiệu an toàn; dấu hiệu nguy hiểm; tín hiệu ánh sáng; tín hiệu âm thanh; cảnh báo an toàn.
- c. Tín hiệu màu sắc; tín hiệu bằng còi, chuông.
- d. Ý b và c đúng.**

84. Hãy nêu định nghĩa về tín hiệu, báo hiệu:

- a. Là phương tiện báo cho người lao động biết trước các yếu tố có hại và hướng dẫn biện pháp thực hiện để tránh bị ảnh hưởng của các yếu tố có hại sức khỏe người lao động.
- b. Là phương tiện nhắc nhở người lao động và hướng dẫn biện pháp thực hiện để tránh bị ảnh hưởng của các yếu tố nguy hiểm.

c. Là phương tiện báo cho người lao động biết trước mỗi nguy hiểm để ngăn ngừa tai nạn lao động.

d. Cả a và b.

85. Hãy nêu mục đích của việc sử dụng tín hiệu màu sắc trong việc phòng tránh tai nạn lao động:

a. Dùng để báo hiệu cho mọi người biết các mối nguy hiểm cũng như biết tình trạng hoạt động của máy móc, thiết bị.

b. Hướng dẫn quy trình vận hành, thao tác và sửa chữa bảo dưỡng thiết bị, máy móc, dây chuyền sản xuất cho người lao động.

c. Giúp người lao động phân biệt được công dụng của các chi tiết, bộ phận trong hệ thống điều khiển, các loại đường ống công nghệ, các loại chai chứa khí, các dây dẫn trong hệ thống điện...

d. Tất cả đều đúng.

86. Hãy nêu mục đích của việc sử dụng tín hiệu âm thanh trong việc phòng tránh tai nạn lao động:

a. Dùng để báo hiệu cho người lao động biết các mối nguy hiểm cũng như biết tình trạng hoạt động của máy móc, thiết bị khi mở máy hay khi gặp sự cố...

b. Giúp người lao động phân biệt được tình trạng của các chi tiết, bộ phận trong hệ thống điều khiển, các loại đường ống công nghệ, các loại chai chứa khí, các dây dẫn trong hệ thống điện...

c. Hướng dẫn quy trình vận hành, thao tác và sửa chữa bảo dưỡng thiết bị, máy móc, dây chuyền sản xuất cho người lao động.

d. Ý a và c đúng.

87. Hãy nêu khái niệm khoảng cách an toàn để phòng tránh tai nạn lao động:

a. Là khoảng không gian lớn nhất giữa người lao động và các loại phương tiện, thiết bị, hoặc khoảng cách lớn nhất giữa phương tiện, thiết bị với nhau để không bị tác động xấu của các yếu tố sản xuất.

b. Là khoảng không gian nhỏ nhất giữa người lao động và các loại phương tiện, thiết bị, hoặc khoảng cách nhỏ nhất giữa phương tiện, thiết bị với nhau để không bị tác động xấu của các yếu tố sản xuất.

c. Là khoảng cách để báo cho người lao động biết trước mỗi nguy hiểm và hướng dẫn biện pháp thực hiện để tránh bị ảnh hưởng của các yếu tố nguy hiểm.

d. Là khoảng không gian nhỏ nhất giữa người lao động và các loại phương tiện, thiết bị để không bị tác động xấu của các yếu tố sản xuất.

88. Nguyên tắc và tiêu chuẩn để bố trí số lượng cán bộ kiểm tra kỹ thuật ATVSLĐ là dựa vào:

- a. Dựa vào tính chất sản xuất.
- b. Điều kiện lao động phức tạp dễ xảy ra tai nạn lao động.
- c. Cả a và b đều đúng.
- d. Cả a và b đều sai.

89. Nhiệm vụ của tổ chức chuyên trách kiểm tra kỹ thuật an toàn là:

- a. Giúp giám đốc xí nghiệp tổ chức chỉ đạo việc thực hiện công tác ATVSLĐ
- b. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy phạm quy trì về kỹ thuật an toàn, ngăn chặn kịp thời tai nạn lao động.
- c. Cả a và b đều đúng.
- d. Cả a và b đều sai.

90. Quyền hạn của tổ chức chuyên trách kiểm tra kỹ thuật ATVSLĐ là:

- a. Được tham dự vào các cuộc hội nghị lập và xét kế hoạch ATVSLĐ
- b. Được tham gia vào việc tiếp nhận những công trình mới xây dựng, mở rộng thêm.
- c. Được phát biểu ý kiến trong nhận xét thi đua khi đơn vị xét thi đua về thực hiện kế hoạch sản xuất của các đơn vị hoặc của cá nhân.
- d. Tất cả đều đúng.

91. Một số yêu cầu đối với cán bộ kiểm tra kỹ thuật an toàn là phải:

- a. Nắm vững đường lối chính sách của đảng và nhà nước về ATVSLĐ
- b. Nắm vững các qui phạm và các qui trình kỹ thuật an toàn của ngành nghề.
- c. Hiểu biết và làm tốt những vấn đề về nghiệp vụ khi thực hiện các công việc kiểm tra công tác lập kế hoạch ATVSLĐ , tổ chức huấn luyện về ATVSLĐ
- d. Tất cả đều đúng.

92. Công tác kiểm tra của cán bộ kỹ thuật cần chú ý kiểm tra vào các thời gian nào sau đây:

- a. Đầu tuần, cuối tuần, đầu giờ, cuối giờ.
- b. Trước ngày lễ, sau ngày lễ.
- c. Thời gian thực hiện kế hoạch nước rút.
- d. Tất cả đều đúng.

93. Kỹ thuật an toàn là một hệ thống gồm có:

- a. Các phương tiện kỹ thuật.
- b. Các thao tác làm việc.
- c. Nội quy, quy trình, quy phạm.
- d. Ý a và b đúng.

94. Phương tiện kỹ thuật bao gồm:

- a. Máy móc, thiết bị, bộ phận, dụng cụ, chi tiết.
- b. Cách thức, trình tự làm việc.
- c. Nội quy, quy trình, quy phạm.
- d. Cả 3 câu đều đúng.

95. Các thao tác làm việc bao gồm;

- a. Cách thức, trình tự làm việc.
- b. Nội quy, quy trình, quy phạm.
- c. Máy móc, thiết bị.
- d. Câu a và b

96. Các bộ phận truyền động bao gồm:

- a. Trục máy, bánh răng, dây đai truyền.
- b. Ô tô, máy trục, tàu hỏa, máy kéo.
- c. Máy bay, tàu thủy.
- d. Tất cả các câu đều đúng.

97. Các yếu tố nguy hiểm trong sản xuất là:

- a. Các bộ phận truyền động và chuyển động.
- b. Các nguồn nhiệt.
- c. Nguồn điện.
- d. Tất cả đều đúng.

98. Sự nổ của các bình chịu áp suất cao là hiện tượng:

- a. Nổ vật lý.
- b. Sự nổ của kim loại chảy lỏng.
- c. Nổ hóa chất.
- d. Tất cả các câu đều đúng.

99. Các biện pháp bảo đảm an toàn cho máy móc gồm có;

- a. Thiết bị che chắn.
- b. Thiết bị bảo hiểm hay thiết bị phòng ngừa.
- c. Tín hiệu, báo hiệu.
- d. Tất cả đều đúng.

100. Thiết bị bảo hiểm hay thiết bị phòng ngừa bao gồm:

- a. Hệ thống có thể tự động phục hồi lại.
- b. Hệ thống phục hồi lại khả năng làm việc bằng tay.
- c. Hệ thống phục hồi lại khả năng làm việc bằng cách thay thế cái mới.
- d. Tất cả đều đúng.

101. Cơ cấu điều khiển bảo đảm an toàn bao gồm:

- a. Tín hiệu, báo hiệu.
- b. Điều khiển từ xa và tự động hóa.
- c. Phanh hãm.
- d. Ý b và c đúng**

102. Khoảng cách bảo đảm an toàn bao gồm:

- a. Khoảng cách an toàn về vệ sinh lao động.
- b. Khoảng cách an toàn giữa các phương tiện vận chuyển.
- c. Khoảng cách an toàn về điện, khoảng cách an toàn nổ mìn.
- d. Tất cả đều đúng.**

V. AN TOÀN ĐIỆN

103. Các tai nạn về điện có thể xảy ra là do:

- a. Điện giật và đốt cháy do điện
- b. Hỏa hoạn, cháy nổ do điện
- c. Do sử dụng điện áp thấp.
- d. Ý a và b đúng**

104. Các tình huống dẫn đến tai nạn điện giật là do:

- a. Chạm điện trực tiếp.
- b. Chạm điện gián tiếp.
- c. Cả a và b đúng.**
- d. Cả a và b đều sai.

105. Tác động của dòng điện đối với cơ thể người bao gồm những tác động

- a. Nhiệt của dòng điện.
- b. Điện phân của dòng điện.
- c. Sinh học của dòng điện.
- d. Tất cả đều đúng.**

106. Tỷ lệ tai nạn điện giật theo lứa tuổi nhiều nhất là;

- a. Dưới 20 tuổi.
- b. $21 \div 30$ tuổi .**
- c. $31 \div 40$ tuổi.
- d. Trên 40 tuổi.

107. Điện áp tiếp xúc (điện áp chạm) của con người với điện trong khu vực ướt cho phép là:

- a. $U_{txcp} = 50V$.
- b. $U_{txcp} = 25V$.
- c. $U_{txcp} = 12V$.**
- d. Cả a, b và c cùng đúng.

108. Dòng điện đi qua người và tỷ lệ phần trăm của dòng điện tổng đi qua tìm theo đường nào là lớn nhất.

- a. Từ tay qua tay.
- b. Từ tay trái qua chân.
- c. Từ tay phải qua chân.**
- d. Từ chân sang chân.

109. Khi có người bị điện giật muốn tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện ta có thể cắt được nguồn điện ta dùng các biện pháp nào sau đây:

- a. Cắt các thiết bị đóng cắt gần nạn nhân nhất như công tắc, cầu dao, áp-tô-mát...

b. Có thể dùng dao, búa, rìu v.v... có cán cách điện để chặt đứt dây dẫn điện.

c. Cả câu a và b đúng.

d. Cả câu a và b cùng sai.

110. Cấp cứu nạn nhân bị điện giật ngay sau khi tách ra khỏi nguồn điện khi chưa mất tri giác ta cần phải làm các công việc nào sau đây:

a. Cần đặt nạn nhân ở nơi thoáng khí, yên tĩnh.

b. Cấp tốc đi mời y, bác sỹ ngay.

c. Chuyển người bị nạn đến cơ quan y tế gần nhất.

d. Tất cả đều đúng.

111. Quy tắc chung đảm bảo an toàn điện là vấn đề nào sau đây:

a. Phải che chắn các thiết bị và bộ phận mang điện.

b. Phải chọn đúng điện áp sử dụng và thực hiện nối đất.

c. Nghiêm chỉnh sử dụng các thiết bị, dụng cụ và bảo vệ khi làm việc.

d. Tất cả đều đúng.

112. Các biện pháp chủ động để phòng tai nạn do điện gây ra là:

a. Đảm bảo tốt cách điện của thiết bị.

b. Đảm bảo khoảng cách an toàn, bao che, rào chắn các bộ phận mang điện.

c. Sử dụng điện áp thấp, máy biến áp cách ly. Sử dụng tín hiệu, biển báo, khóa liên động.

d. Tất cả đều đúng.

113. Các biện pháp để ngăn ngừa, hạn chế tai nạn điện là:

a. Thực hiện nối dây trung tính bảo vệ. Thực hiện nối đất bảo vệ, cân bằng thế,...

b. Sử dụng máy cắt điện an toàn, thiết bị chống rò điện (máy cắt vi sai).

c. Sử dụng tín hiệu, biển báo, khóa liên động.

d. Ý a và b đúng

114. Để nối đất bảo vệ thiết bị ta dùng biện pháp nào sau đây:

a. Nối đất làm việc.

b. Nối đất an toàn (nối đất bảo vệ).

c. Nối đất chống sét.

d. Tất cả đều đúng.

115. Nối đất chống sét ta có thể dùng biện pháp nào sau đây:

a. Nối đất tự nhiên, nối đất nhân tạo.

b. Nối đất làm việc.

c. Nối đất an toàn (nối đất bảo vệ).

d. Tất cả đều đúng.

116. Khi nối đất nên tận dụng các kết cấu có vật liệu dẫn điện có sẵn trong đất như:

- a. Móng bê-tông cốt thép.
- b. Ống nước hoặc dẫn các chất lỏng.
- c. Ống dẫn bằng vật liệu composit
- d. Ý a và b đúng.

117. Chất lượng của trang bị nổi đất có thể bị giảm do ảnh hưởng của các yếu tố nào đây:

- a. Độ ẩm.
- b. Tác động cơ học.
- c. Ăn mòn do hóa chất.
- d. Tất cả đều đúng.

118. Điện cao áp được quy ước là:

- a. Từ 600V trở lên.
- b. Từ 1000V trở lên.
- c. Trên 1000V.
- d. Từ 3000V trở lên.

119. Người chỉ đạo chung khi công việc do nhiều đơn vị công tác của cùng một tổ chức hoạt động điện lực thực hiện là:

- a. Người cấp phiếu.
- b. Người cho phép.
- c. Người lãnh đạo công việc.
- d. Tất cả đều sai.

120. Người có trách nhiệm phân công công việc, chỉ huy và giám sát nhân viên

đơn vị công tác trong suốt quá trình thực hiện công việc là:

- a. Người lãnh đạo công việc.
- b. Người cấp phiếu.
- c. Người cho phép.
- d. Người chỉ huy trực tiếp.

121. Người thực hiện thủ tục cho phép đơn vị công tác vào làm việc khi hiện trường công tác đã đảm bảo an toàn về điện là:

- a. Người lãnh đạo công việc.
- b. Người cấp phiếu.
- c. Người cho phép.
- d. Người chỉ huy trực tiếp.

122. Người có kiến thức về an toàn điện, được huấn luyện, chỉ định và thực hiện việc giám sát an toàn điện cho đơn vị công tác là:

a. Người giám sát an toàn điện

b. Người cấp phiếu.

c. Người cho phép.

d. Người chỉ huy trực tiếp.

123. Làm việc có cắt điện hoàn toàn được quy định như thế nào là đúng:

a. Công việc làm ở thiết bị điện ngoài trời đã được cắt điện từ mọi phía (kể cả đầu

vào của đường dây trên không và đường cáp), các lối đi ra phần phân phối ngoài trời hoặc thông sang phòng bên cạnh đang có điện đã khoá cửa; trong trường hợp đặc biệt thì chỉ có nguồn điện hạ áp để tiến hành công việc.

b. Công việc làm ở thiết bị điện trong nhà đã được cắt điện từ mọi phía (kể cả đầu vào của đường dây trên không và đường cáp), các lối đi ra phần phân phối ngoài trời hoặc thông sang phòng bên cạnh đang có điện đã khoá cửa; trong trường hợp đặc biệt thì chỉ có nguồn điện hạ áp để tiến hành công việc.

c. Công việc làm ở thiết bị điện ngoài trời hoặc trong nhà đã được cắt điện từ mọi

phía (kể cả đầu vào của đường dây trên không và đường cáp), các lối đi ra phần phân phối ngoài trời hoặc thông sang phòng bên cạnh đang có điện đã khoá cửa; trong trường hợp đặc biệt thì chỉ có nguồn điện hạ áp để tiến hành công việc.

d. Cả a, b và c đều sai.

124. Công việc làm ở thiết bị điện ngoài trời hoặc trong nhà chỉ có một phần được cắt điện để làm việc hoặc thiết bị điện được cắt điện hoàn toàn nhưng các lối đi ra phần phân phối ngoài trời hoặc thông sang phòng bên cạnh có điện vẫn mở cửa- là:

a. Làm việc có cắt điện một phần.

b. Làm việc có cắt điện hoàn toàn

c. Làm việc có điện.

d. Cả a, b và c đều sai.

125. Công việc làm ở thiết bị đang mang điện, có sử dụng các trang bị, dụng cụ chuyên dùng- là:

a. Làm việc có cắt điện một phần.

b. Làm việc có cắt điện hoàn toàn

c. Làm việc có điện.

d. Cả a, b và c đều sai.

126. Phương tiện bảo vệ cá nhân là gì:

a. Là trang bị mà nhân viên đơn vị công tác phải sử dụng để phòng ngừa tai nạn cho chính mình.

b. Là trang bị mà đơn vị công tác phải sử dụng để phòng ngừa tai nạn cho đơn vị công tác.

c. Là các trang thiết bị kỹ thuật an toàn.

d. Cả a, b và c đều đúng.

127. Để đảm bảo an toàn điện thì mọi công việc khi tiến hành trên thiết bị và vật liệu điện, ở gần hoặc liên quan đến thiết bị điện và vật liệu điện đang mang điện đều phải:

a. Thực hiện theo phiếu công tác

b. Thực hiện theo lệnh công tác

c. Thực hiện theo phiếu công tác hoặc lệnh công tác

d. Thực hiện theo phiếu công tác và lệnh công tác

128. Để đảm bảo an toàn điện, cấm ra mệnh lệnh hoặc giao công việc cho những người:

a. Chưa được kiểm tra đạt yêu cầu Quy trình an toàn điện, chưa biết rõ những việc.

b. Chưa được huấn luyện, kiểm tra đạt yêu cầu Quy trình an toàn điện, chưa biết rõ những việc sẽ phải làm

c. Chưa được huấn luyện, kiểm tra đạt yêu cầu Quy trình an toàn điện và các quy trình có liên quan

d. Chưa được huấn luyện, kiểm tra đạt yêu cầu Quy trình an toàn điện và các quy trình có liên quan, chưa biết rõ những việc sẽ phải làm.

129. Để đảm bảo an toàn, những mệnh lệnh không đúng Quy trình an toàn và các quy trình có liên quan khác, có nguy cơ mất an toàn cho người hoặc thiết bị thì người nhận lệnh có quyền:

a. Không chấp hành

b. Không chấp hành, nếu người ra lệnh không chấp thuận thì người nhận lệnh vẫn phải chấp hành, sau đó được quyền báo cáo với cấp trên

c. Không chấp hành và báo cáo với cấp trên

d. Không chấp hành, nếu người ra lệnh không chấp thuận thì người nhận lệnh được quyền báo cáo với cấp trên

130. Để đảm bảo an toàn điện, khi phát hiện cán bộ, công nhân vi phạm Quy trình an toàn điện và các quy trình có liên quan khác, có nguy cơ đe dọa đến tính mạng con người và an toàn thiết bị, người phát hiện phải:

- a. Lập tức ngăn chặn
- b. Báo cáo với cấp có thẩm quyền
- c. Lập tức ngăn chặn và báo cáo với cấp trên
- d. Cả a và b đúng**

133. Để đảm bảo an toàn điện, người trực tiếp làm công tác quản lý vận hành, kinh doanh, thí nghiệm, sửa chữa, xây lắp điện phải:

- a. Có giấy chứng nhận sức khỏe đủ tiêu chuẩn theo yêu cầu công việc.
- b. Có giấy chứng nhận sức khỏe đủ tiêu chuẩn do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp
- c. Có giấy chứng nhận sức khỏe đủ tiêu chuẩn theo yêu cầu công việc do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp
- d. Có giấy chứng nhận sức khỏe đủ tiêu chuẩn theo yêu cầu công việc do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp theo quy định hiện hành**

134. Để đảm bảo an toàn điện thì những quy định chung nào sau đây là đúng:

- a. Nhân viên mới phải qua thời gian kèm cặp của nhân viên có kinh nghiệm để có trình độ kỹ thuật và an toàn theo yêu cầu của công việc, sau đó phải được kiểm tra bằng bài viết và vấn đáp trực tiếp, đạt yêu cầu mới được giao nhiệm vụ
- b. Khi phát hiện có người bị điện giật, trong bất kỳ trường hợp nào người phát hiện cũng phải tìm biện pháp nhanh nhất để tách nạn nhân ra khỏi mạch điện và cứu chữa người bị nạn
- c. Người trực tiếp làm công tác quản lý vận hành, kinh doanh, thí nghiệm, sửa chữa, xây lắp điện phải có giấy chứng nhận sức khỏe đủ tiêu chuẩn theo yêu cầu công việc do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp theo quy định hiện hành

d. Tất cả đều đúng

135. Để đảm bảo an toàn điện thì những quy định chung nào sau đây là đúng:

a. Nhân viên mới phải qua thời gian kèm cặp của nhân viên có kinh nghiệm để có trình độ kỹ thuật và an toàn theo yêu cầu của công việc, sau đó phải được kiểm tra bằng bài viết và vấn đáp trực tiếp, đạt yêu cầu mới được giao nhiệm vụ.

b. Khi phát hiện có người bị điện giật, nếu trong trường hợp là điện hạ áp thì người phát hiện cũng phải tìm biện pháp nhanh nhất để tách nạn nhân ra khỏi mạch điện và cứu chữa người bị nạn.

c. Người trực tiếp làm công tác quản lý vận hành, kinh doanh, thí nghiệm, sửa

chữa, xây lắp điện phải có giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp theo quy định hiện hành.

d. Tất cả đều đúng

136. Để đảm bảo an toàn điện thì những quy định chung nào sau đây là đúng:

a. Mọi công việc khi tiến hành trên thiết bị và vật liệu điện, ở gần hoặc liên quan đến thiết bị điện và vật liệu điện đang mang điện đều phải thực hiện theo phiếu công tác hoặc lệnh công tác

b. Cấm ra mệnh lệnh hoặc giao công việc cho những người chưa được huấn luyện,

kiểm tra đạt yêu cầu Quy trình an toàn điện, chưa biết rõ những việc sẽ phải làm

c. Những mệnh lệnh không đúng Quy trình an toàn điện, có nguy cơ mất an toàn

cho người hoặc thiết bị thì người nhận lệnh có quyền không chấp hành, nếu người ra lệnh không chấp thuận thì người nhận lệnh được quyền báo cáo với cấp trên

d. Tất cả đều đúng

137. Để đảm bảo an toàn điện thì những quy định chung nào sau đây là đúng:

a. Nhân viên mới phải qua thời gian kèm cặp của nhân viên có kinh nghiệm để có trình độ theo yêu cầu của công việc, sau đó phải được kiểm tra đạt yêu cầu mới được giao nhiệm vụ

b. Cấm ra mệnh lệnh hoặc giao công việc cho những người chưa được huấn luyện, kiểm tra đạt yêu cầu Quy trình an toàn điện và các quy trình có liên quan, chưa biết rõ những việc sẽ phải làm

c. Khi phát hiện cán bộ, công nhân vi phạm Quy trình an toàn điện, có nguy cơ đe dọa đến tính mạng con người và an toàn thiết bị, người phát hiện phải lập tức ngăn chặn và báo cáo với cấp có thẩm quyền

d. Tất cả đều đúng

138. Để đảm bảo an toàn nhiệm vụ của cán bộ an toàn các cấp là:

a. Kiểm tra, giám sát các biện pháp an toàn đã đề ra và ghi thông báo an toàn để nhắc nhở khi phát hiện những vi phạm có thể dẫn đến mất an toàn.

b. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các biện pháp an toàn có thể dẫn đến tai nạn, sự cố thì được quyền lập biên bản và đình chỉ công việc để thực hiện đủ, đúng các biện pháp an toàn, đồng thời phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về quyết định của mình.

c. Cả a, b đều sai.

d. Cả a, b đều đúng.

139. Để đảm bảo an toàn; Bộ phận hoặc cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ phải:

a. Chỉ được tiến hành công việc khi đã thực hiện đủ và đúng các biện pháp an toàn đã đề ra.

b. Trong trường hợp vi phạm biện pháp an toàn bị phát hiện, lập biên bản, đình chỉ công việc thì phải ngay lập tức thực hiện đủ, đúng các biện pháp an toàn đã đề ra hoặc được yêu cầu.

c. Chỉ được tiếp tục tiến hành công việc sau khi đã làm đủ, đúng các quy định về an toàn và được cán bộ an toàn chấp thuận.

d. Tất cả đều đúng

140. Thao tác đóng, cắt điện ở thiết bị điện cao áp:

a. Phải có 2 người thực hiện, một người thao tác và một người giám sát có bậc 3 an toàn điện trở lên.

b. Phải có 2 người thực hiện, một người thao tác và một người giám sát thao tác. Người thao tác phải có bậc 3 an toàn điện trở lên, người giám sát thao tác phải có bậc 4 an toàn điện trở lên.

c. Chỉ cần một nhân viên vận hành thực hiện.

d. d. Cả a, b và c đều sai.

142. Một công nhân đang làm việc không may bị điện giật, sau khi nạn nhân được tách ra khỏi nguồn điện, nạn nhân đang trong tình trạng ngừng thở ngừng tim, người sơ cứu viên cần:

a. Nhanh chóng chuyển nạn nhân về bệnh viện gần nhất để được cấp cứu kịp thời.

b. Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí, tiến hành ép tim ngoài lồng ngực cho đến khi nạn nhân hồi tỉnh hoặc trên đường vận chuyển nạn nhân đến bệnh viện.

c. Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí, tiến hành thổi ngạt cho đến khi nạn nhân hồi tỉnh hoặc trên đường vận chuyển nạn nhân đến bệnh viện.

d. Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí, đặt nạn nhân nằm đầu thấp trên nền cứng bằng phẳng, đầu ngửa về phía gáy, khai thông đường thở, tiến hành thổi ngạt, ép tim ngoài lồng ngực đúng phương pháp cho đến khi nạn nhân hồi tỉnh hoặc trên đường vận chuyển nạn nhân đến bệnh viện.

VI. AN TOÀN CƠ KHÍ

143. Mục đích chung của kỹ thuật an toàn cơ khí là:

a. Thấy được nguy cơ và nguyên nhân phát sinh tai nạn lao động khi sử dụng máy móc thiết bị.

b. Phát hiện được những thiếu sót về mặt KTAT đối với một số máy móc, thiết bị.

c. Kịp thời kiến nghị và đề xuất biện pháp giải quyết đối với đơn vị sử dụng.

d. Tất cả đều đúng.

144. Máy cơ khí thường có các bộ phận cơ bản cấu thành nào sau đây:

a. Nguồn động lực, bộ phận truyền động, phần máy công tác.

b. Bộ phận chuyển động.

c. Bộ phận gia công.

d. Cả a,b và c đều đúng.

145. Máy gia công cơ khí thường các loại máy nào sau đây:

a. Máy tiện, máy phay, máy bào, máy chuốt.

b. Máy chế biến nông sản.

c. Máy cửa đĩa, máy cửa mâm, máy cửa vòng.

d. Tất cả đều đúng.

146. Máy tiện để gia công cơ khí thường là:

a. Dao chuyển động tịnh tiến lên xuống, phôi đứng yên.

b. Dao tịnh tiến ngang dọc, phôi quay tròn tại chỗ.

c. Dao quay tròn tại chỗ, phôi tịnh tiến ngang dọc lên xuống.

d. Dao tịnh tiến lên xuống; phôi quay tròn; tịnh tiến ngang dọc.

147. Chiều quay của dao quay tròn tại chỗ, phôi tịnh tiến ngang dọc lên xuống là đặc điểm của loại máy nào sau đây:

a. Máy tiện.

b. Máy phay.

c. Máy khoan.

d. Máy xọc.

148. Dao phay tròn và tịnh tiến lên xuống là đặc điểm của loại máy nào sau đây:

a. Máy tiện.

b. Máy phay.

c. Máy khoan.

d. Máy xọc.

149. Vùng nguy hiểm là khoảng không gian trong đó có các nhân tố nguy hiểm đối với sức khỏe và sự sống của con người xuất hiện là:

a. Một cách thường xuyên, chu kỳ hoặc bất ngờ.

b. Thường theo chu kỳ.

c. Hay một cách bất ngờ.

d. Cả b và c đều đúng.

150. Đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình sản xuất chúng ta cần phải làm gì để giảm bớt vùng nguy hiểm:

a. Thu hẹp chúng, cách ly và vô hiệu hóa.

b. Các định được vùng nguy hiểm.

c. Quan tâm thường xuyên đến sự nguy hiểm.

d. Cả a,b và c đều đúng.

151. Nguyên nhân gây ra tai nạn lao động khi sử dụng máy móc thiết bị thường phụ thuộc vào:

- a. Chất lượng máy.
- b. Tính chất quy trình công nghệ.
- c. Việc tổ chức nơi sản xuất và trình độ lành nghề của người sử dụng.

d. Tất cả đều đúng.

152. Các nguyên nhân gây ra tai nạn lao động trong quá trình thiết kế thường là:

- a. Không có các bộ phận an toàn, thiếu hệ thống tín hiệu.
- b. Không tính toán đầy đủ độ bền, độ cứng vững, khả năng chịu mài mòn, độc hại ăn mòn bởi các hóa chất.
- c. Không tính đến các biện pháp chống rung động, chống tự tháo lỏng của các chi tiết.

d. Cả a,b và c đều đúng.

153. Các nguyên nhân gây ra tai nạn lao động trong quá trình thiết kế máy thường là:

- a. Máy móc, thiết bị không phù hợp với tầm vóc và thể lực của người điều khiển.**
- b. Vật liệu chế tạo không đúng với vật liệu mà trong bản thiết kế đã tính toán.
- c. Phương pháp chế tạo không đúng.
- d. Tất cả các câu đều đúng.

154. Nguyên nhân gây ra tai nạn lao động do lắp đặt máy móc không tốt thường là:

- a. Có khả năng tạo ra ứng suất quá lớn sẽ là nguyên nhân trực tiếp giảm độ chính xác của máy.
- b. Gây ra rung động sẽ dẫn đến làm nứt hoặc biến dạng các chi tiết máy.
- c. Việc bảo dưỡng và sửa chữa máy trong quá trình sử dụng không tốt.

d. Ý a và b đúng.

155. Những nguyên nhân gây ra tai nạn lao động do lắp đặt máy móc thường được biểu hiện:

- a. Việc lắp đặt máy không tốt.
- b. Không thỏa mãn các yêu cầu về kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp.

c. Cả a và b đều đúng.

d. Cả a và b đều sai.

156. Bố trí máy móc thiết bị trong một phân xưởng cần phải thỏa mãn các điều kiện nào sau đây:

- a. Các máy khi làm việc phát sinh nhiều yếu tố nguy hiểm phải bố trí ở khu vực riêng.
- b. Các máy khi làm việc có độ rung mạnh cần phải bố trí cách ly
- c. Các máy phải bố trí tránh việc phân tán tư tưởng của người vận hành.

d. Tất cả đều đúng

157. Các nguyên nhân gây ra tai nạn do bảo quản và sử dụng máy móc thiết bị thường là:

a. Không thỏa mãn các yêu cầu kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp

b. Máy móc thiếu các thiết bị an toàn hoặc không đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật an toàn mà vẫn sử dụng.

c. Máy móc, thiết bị không phù hợp với tầm vóc và thể lực của người điều khiển.

d. Tất cả đều đúng.

158. Việc bảo dưỡng và sửa chữa máy móc trong quá trình sử dụng không tốt sẽ gây các tác hại nào sau đây:

a. Giảm nhanh tuổi thọ máy.

b. Gây ra sự cố bất thường.

c. Gây ra tai nạn không lường trước được.

d. Tất cả đều đúng.

159. Các nguyên nhân gây tai nạn do bảo quản và sử dụng thường là:

a. Việc chấp hành các quy trình, quy phạm còn tùy tiện.

b. Công nhân không được huấn luyện kỹ thuật an toàn đã sử dụng máy.

c. Bắt máy làm việc quá tải.

d. Tất cả đều đúng

160. Các yêu cầu an toàn đối với máy móc, thiết bị gồm các vấn đề nào sau đây:

a. Nối đất bảo vệ thiết bị điện.

b. Tình trạng máy móc luôn ở trạng thái tốt.

c. Định kỳ máy móc thiết bị phải được bảo dưỡng sửa chữa theo đúng kế hoạch.

d. Tất cả đều đúng.

161. Các yêu cầu an toàn đối với máy móc, thiết bị gồm:

a. Các bộ phận chuyển động phải được bao che

b. Máy móc phải có đầy đủ Các thiết bị an toàn.

c. Chiều sáng cục bộ phải dùng đèn có điện áp 36V

d. Tất cả đều đúng

162. Yêu cầu an toàn khi sử dụng máy, phải:

a. Huấn luyện về kiểm tra và sử dụng máy thành thạo theo đúng quy trình vận hành.

b. Sử dụng trang bị bảo vệ cá nhân theo đúng như quy định.

c. Tiến hành kiểm tra và chạy thử máy để phát hiện hư hỏng.

d. Tất cả đều đúng.

163. Trong quá trình gia công không được:

- a. Tiến hành các công việc sửa chữa khi máy đang hoạt động.
- b. Bỏ đi nơi khác hoặc làm việc khác khi đang chạy máy.
- c. Đưa tay vào khu vực nguy hiểm để kiểm tra kích thước, lấy phoi, tưới dầu
- d. Tất cả đều đúng.**

164. Tiến hành lau chùi, bôi dầu và bơm dầu vào các bề mặt chuyển động cần phải thực hiện khi:

- a. Tiến hành bàn giao ca kíp, nghỉ lễ, tết.
- b. Ngừng máy phải tắt máy, cắt cầu dao điện.
- c. Liên tục và thường xuyên kể cả khi máy đang chạy

d. Ý a và b đúng

165. Các vật gia công có khối lượng bao nhiêu kg thì cần phải có phương tiện nâng chuyển (palăng điện, palăng xích...)

- a. > 10kg
- b. > 20kg
- c. < 20kg
- d. < 10kg

166. Định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc hỏng hóc bất thường thì công việc sửa chữa cần được tiến hành dựa trên các yêu cầu an toàn nào sau đây:

- a. Phải có lệnh sửa chữa của quản đốc phân xưởng cơ điện.
- b. Phải ghi rõ nội dung sửa chữa
- c. Phải giao cho những công nhân chuyên nghiệp hoặc đã qua đào tạo hướng dẫn.

d. Tất cả đều đúng

167. Trước khi sửa chữa máy và các bộ phận của máy thì phải làm gì:

- a. Tách máy ra khỏi nguồn điện, treo bảng “ Máy đang sửa chữa”.
- b. Tháo các đai truyền ra khỏi puli

c. Cả a và b đều đúng.

d. Cả a và b đều sai.

168. Khi sửa chữa những loại máy cao trên 2m phải có:

- a. Thang dây an toàn.
- b. Giàn giáo có lan can tay vịn chắc chắn.
- c. Hệ thống thang máy.
- d. Tất cả đều đúng.

169. Sau khi kết thúc sửa chữa hay điều chỉnh máy phải:

a. Kiểm tra lại toàn bộ thiết bị, lắp đặt các che chắn an toàn.

- b. Bàn giao cho công nhân vận hành chạy máy.
- c. Kiểm tra sơ bộ chạy máy.
- d. Cả 3 phương pháp trên.

VII. AN TOÀN THIẾT BỊ CHỊU ÁP LỰC

170. Yêu cầu trước khi đưa vào sử dụng các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động như bình chịu áp lực, thiết bị nâng...:

- a. Công nhân vận hành thiết bị phải có chứng chỉ về chuyên môn, nắm được nguyên tắc an toàn khi sử dụng và có thể an toàn lao động.

b. Ban hành và niêm yết nội quy an toàn, quy trình vận hành, quy trình xử lý sự cố tại nơi để thiết bị ở vị trí dễ thấy, dễ đọc.

C. Phải được kiểm định kỹ thuật an toàn với cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

d. Cả a, b và c đều đúng.

171. Các thiết bị chịu áp lực trong công nghiệp chủ yếu gồm các loại chính nào sau đây:

a. Các thiết bị không bị đốt nóng gồm các bình chứa (ôxy, nitơ, amôniac...) các bình sinh khí axetylen, các ống dẫn hơi dẫn khí.

b. Các thiết bị đốt nóng gồm lò hơi, nồi nấu, sấy, hấp...

c. Cả a,b đúng.

d. Cả a,b sai.

172. Cách phân biệt nồi hơi với các loại thiết bị khác là:

a. Thiết bị được đốt nóng bằng các loại nhiên liệu để sản xuất hơi dùng cho sản xuất..

b. Các thiết bị có thể tích đóng kín dùng để tiến hành các quy trình nhiệt học và hóa học (bình hấp, bình axetylen).

c. Loại thiết bị chịu áp lực bằng kim loại có thể tích nhỏ (thường dưới 100 lít).

d. Tất cả đều đúng.

173. Thiết bị áp lực là thiết bị có áp suất do môi chất tác dụng lên

a. Tác dụng lên phía trong.

b. Tác dụng lên phía ngoài.

c. Tác dụng cả phía trong và phía ngoài

d. Tất cả đều đúng

174. Các loại thiết bị có thể tích đóng kín dùng để tiến hành các quy trình nhiệt học và hóa học thường được gọi là:

a. Nồi hơi.

b. Bình chịu áp lực.

c. Chai chịu áp lực.

d. Cả a,b sai.

175. Tác dụng phá hoại khi thiết bị bị áp lực nổ vỡ thường gây ra hậu quả:

a. Khi nổ vỡ, tác hại của nó gây ra rất lớn, có thể làm chết và bị thương nhiều người và phá hủy công trình.

b. Khi nổ vỡ, tác hại của nó gây ra hư hỏng thiết bị.

c. Khi nổ vỡ, tác hại của nó gây ra tiếng nổ lớn gây khó chịu cho người vận hành.

d. Cả a,b sai.

176. Cấm sử dụng áp kế trong các trường hợp:

- a. Không có niêm chì, quá hạn kiểm tra, vỡ mặt kính.
- b. Kim không quay về chốt tựa khi ngắt hơi.
- c. Áp kế phải có thang đo thích hợp để khi chỉ áp suất kim di chuyển trong khoảng từ 1/3 đến 2/3 của thang.

d. Ý a và b đúng

VIII. AN TOÀN HÓA CHẤT

177. Các loại hóa chất gây bệnh nghề nghiệp thường là:

- a. Chì và hợp chất của chì.
- b. Thủy ngân và hợp chất của thủy ngân
- c. Benzen.

d. Tất cả đều đúng.

178. Đường xâm nhập của hóa chất vào cơ thể con người thường là đường nào sau đây:

- a. Đường hô hấp.
- b. Hấp thụ qua da.
- c. Đường tiêu hóa.

d. Tất cả đều đúng.

179. Các yếu tố nào sau đây có thể làm tăng nguy cơ nhiễm độc:

- a. Nhiệt độ cao.
- b. Độ ẩm không khí tăng.
- c. Khi lao động thể lực với cường độ quá sức.

d. Tất cả đều đúng.

180. Tác động kích thích của hóa chất đối với cơ thể thường gây ra:

- a. Kích thích đối với da.
- b. Kích thích đối với đường hô hấp.
- c. Kích thích đối với mắt.
- d. Gây mê và gây tê

e. Ý a, b và c đúng

181. Hóa chất thường gây tác hại tới hệ thống các cơ quan nào của cơ thể:

- a. Gây tác hại cho thận.
- b. Gây tác hại cho hệ thần kinh.
- c. Bệnh bụi phổi.

d. Tất cả đều đúng.

182. Biện pháp cơ bản phòng ngừa tác hại của hóa chất thường là biện pháp nào sau đây:

- a. Hạn chế hoặc thay thế hóa chất độc hại.

b. Che chắn hoặc cách ly nguồn phát sinh hóa chất nguy hiểm, thông gió.

c. Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động nhằm ngăn ngừa việc tiếp xúc trực tiếp với hóa chất.

d. Tất cả đều đúng.

183. Khi doanh nghiệp sử dụng hóa chất thì phải cảm kết các vấn đề nào sau đây:

a. Quy trình an toàn cho quy trình sản xuất, bảo quản, vận chuyển, sử dụng và loại bỏ những hóa chất độc hại.

b. Người lao động nhận được đầy đủ thông tin về hóa chất nguy hiểm khi tiếp xúc và được đào tạo huấn luyện những biện pháp thích hợp an toàn và cần thiết.

c. Trước khi sử dụng một hóa chất mới thì các thông tin về hóa chất này (đặc biệt về tính nguy hiểm, giá trị kinh tế và khả năng thay thế nó)

d. Quy trình xử lý rò rỉ hoặc tràn đổ hóa chất tại nơi làm việc.

e. Ý a, b, c đúng.

184. Mặt nạ phòng độc được phân thành bao nhiêu nhóm:

a. 2 nhóm

b. 3 nhóm

c. 4 nhóm.

d. 6 nhóm

185. Vệ sinh cá nhân nhằm giữ cho cơ thể tránh tiếp xúc với hóa chất qua các con đường nào sau đây:

a. Tránh nhiễm độc qua da.

b. Qua đường hô hấp.

c. Qua đường tiêu hóa.

d. Tất cả đều đúng.

186. Lợi ích chính của công tác kiểm toán giảm thiểu hóa chất thải là:

a. Giảm tổn hại tiềm ẩn do sản xuất gây ra cho môi trường.

b. Bảo vệ sức khỏe cộng đồng dân cư và người lao động, đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường.

c. Giảm lợi nhuận.

d. Ý a và b đúng

187. Các phương pháp xử lý hóa chất thải thông dụng thường dùng phương pháp nào sau đây:

a. Phương pháp hấp thụ bằng vật liệu hấp thụ

b. Phương pháp nhiệt

c. Phương pháp xử lý sinh học.

d. Tất cả đều đúng.

188. Các phương pháp xử lý hơi, khí độc hại trong khí thải công nghiệp thường

dùng phương pháp nào sau đây:

- a. Hấp thụ (nhờ chất lỏng), hấp phụ (nhờ chất rắn xốp).
- b. Sinh hóa bằng vi sinh và pha loãng.
- c. Thiêu hủy nhờ nhiệt, ngưng tụ.

d. Tất cả đều đúng.

189. Nguyên tắc chung của việc kiểm soát quy trình làm việc với hóa chất thường là các vấn đề nào sau đây:

- a. Người sử dụng lao động cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn, đào tạo, huấn luyện và phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp với công việc cho người lao động.
- b. Xây dựng và thực hiện quy trình an toàn trong thiết kế, lắp đặt, chạy thử, sản xuất, sử dụng, bảo dưỡng trang thiết bị làm việc với hóa chất độc hại cũng như trong việc vận chuyển và hủy bỏ chúng.

c. Cả a và b đều đúng.

d. Cả a và b đều sai.

190. Người sử dụng lao động cung cấp đầy đủ các thông tin gì cho người lao động làm việc với hóa chất:

- a. Cần chỉ dẫn, đào tạo, huấn luyện.
- b. Cung cấp phương tiện bảo hộ lao động phù hợp với công việc cho người lao động.
- c. Thực hiện quy trình an toàn trong thiết kế, lắp đặt, chạy thử.

d. Ý a, b đúng.

191. Việc xử lý các hóa chất thải xuất phát từ việc nào được coi là đầu tiên:

- a. Lấy mẫu phân tích.
- b. Hiểu nguồn gốc và ảnh hưởng của nó tới môi trường.**
- c. Xác định lượng chất thải và lựa chọn biện pháp xử lý thích hợp đảm bảo yêu cầu vệ sinh công nghiệp theo định chế Quốc tế và Việt Nam về bảo vệ Môi trường.
- d. Kinh phí đầu tư cho phép.

192. Phương tiện vận tải được phép chuyên chở hóa chất là:

- a. Tàu tự hành
- b. Xe chuyên dụng
- c. Xe tải kín
- d. Phương tiện có giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phù hợp với loại, nhóm hàng chuyên chở**

193. Trang thiết bị bảo vệ người làm công tác vận tải hóa chất phải bảo đảm nguyên tắc là:

- a. Bền, đẹp
- b. Không cháy
- c. Cách nhiệt
- d. Toàn thân được bảo vệ*

IX. AN TOÀN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY

194. Đội PCCC cơ sở là đội như thế nào ?

- a. Gồm những người tham gia hoạt động sản xuất tại cơ sở.
- b. Là tổ chức gồm những người tham gia hoạt động PCCC tại cơ sở.*
- c. Gồm những người tham gia chỉ đạo công tác PCCC tại cơ sở.
- d. Là tổ chức gồm những người quản đốc, tổ trưởng sản xuất, dân phòng tại cơ quan, xí nghiệp.

195. Những đối tượng nào phải thực hiện bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với tài sản của mình?

- a. Tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh
- b. Tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy nổ
- c. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy nổ*
- d. Cơ quan, xí nghiệp có nguy hiểm về cháy nổ

196. Trong lĩnh vực xây dựng, Luật PCCC quy định hành vi nào bị nghiêm cấm ?

- a. Thi công những công trình có nguy hiểm về cháy nổ mà không có thiết kế về PCCC
- b. Thi công những công trình có nguy hiểm về cháy nổ mà chưa có thiết kế được duyệt về PCCC*
- c. Thi công những công trình có nguy hiểm về cháy nổ gần các nhà và công trình công cộng
- d. Thi công những công trình có nguy hiểm về cháy nổ mà không có trang bị phương tiện PCCC

197. Luật PCCC quy định trong hoạt động PCCC nhiệm vụ nào là chính?

- a. Trong hoạt động PCCC lấy phòng ngừa làm chính*
- b. Trong hoạt động PCCC lấy phương châm 4 tại chỗ làm chính
- c. Trong hoạt động PCCC lấy chữa cháy làm chính
- d. Trong hoạt động PCCC lấy tuyên truyền là chính.

198. Đối tượng áp dụng của Luật phòng cháy và chữa cháy được quy định tại Điều 2 như thế nào.

- a. Tất cả các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân hoạt động sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam*
- b. Tất cả các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân hoạt động sinh sống trong

và ngoài nước

c. Tất cả các cơ quan, tổ chức và hộ gia đình trên lãnh thổ Việt Nam

d. Tất cả các cơ sở hoạt động, sản xuất, kinh doanh và cá nhân sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam

199. Luật PCCC quy định ai là người chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện khắc phục hậu quả vụ cháy ?

a. Chỉ huy lực lượng cảnh sát PCCC phối hợp với người đứng đầu cơ sở bị cháy

b. Chủ tịch UBND cấp xã trở lên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có cơ sở bị cháy

c. Công an phường nơi có cơ sở bị cháy

d. Tất cả đều đúng

200. Luật PCCC qui định một trong những biện pháp cơ bản đầu tiên trong công tác phòng cháy là gì?

a. Sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt.

b. Quản lý chặt chẽ về sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa nguồn nhiệt; đảm bảo các điều kiện an toàn trong sản xuất kinh doanh.

c. Quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt; đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy.

d. Định kỳ tự tổ chức kiểm tra công tác an toàn PCCC.

CÂU HỎI PHẦN KỸ NĂNG TỔ CHỨC HUẤN LUYỆN

1. Khi chuẩn bị những thứ cần thiết cho lớp học cần:

- a) Chuẩn bị mục đích, thời gian.
- b) Các dụng cụ hỗ trợ lớp học như: Máy chiếu, tài liệu, âm thanh....
- c) Xác định đối tượng lớp học.
- d) Tất cả các câu trên đều đúng.*
- e) Các câu a, b đúng.

2. Giảng viên phải có mục đích rõ ràng và nghiêm khắc với thời gian:

- a) Xác định mục đích buổi học.
- b) Xác định trọng tâm bài giảng.
- c) Không được nói lạc đề, không được kéo dài thời gian.
- d) Tất cả các câu trên đều đúng.*
- e) Các câu a, c đúng.

3. Tâm lý học viên khi học an toàn, vệ sinh lao động:

- a) Có người thích học, thích nghe. Có người chán nản, không muốn học.
- b) Có trình độ nhận thức không đồng đều.
- c) Có người mệt mỏi, có người không mệt mỏi.
- d) Tất cả các câu trên đều đúng.*
- e) Các câu a, c đúng.

4. Bắt đầu bài giảng, giảng viên cần nêu những vấn đề chính như sau:

- a) Mục đích bài giảng. Ý nghĩa bài giảng.
- b) Đối tượng học.
- c) Thời gian và nội dung bài giảng.
- d) Tất cả các câu trên đều đúng.*
- e) Các câu b, c đúng.

5. Khi kết thúc lớp học:

- a) Sơ lược tóm tắt những nội dung đã nêu. Nêu lại những điểm mấu chốt, trọng tâm.
- b) Hỏi xem học viên còn phần nào chưa hiểu.
- c) Hướng dẫn câu hỏi và làm bài kiểm tra.
- d) Tất cả các câu trên đều đúng.*
- e) Các câu a, b đúng.

